

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2025

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Hợi

Bà Hoàng Thảo Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 190/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/02/2025 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Khu dân cư S B, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.
(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Khu A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Thanh T trình bày:

Anh T và chị Hoàng Thị T1 qua người quen giới thiệu có tìm hiểu nhau, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2020 đăng ký ngày 22/12/2020. Sau khi đăng ký kết hôn, vào tháng

04/2021 anh T và chị T1 được Hội T3 truyền giáo tại Đ tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng thuê nhà để chung sống cùng nhau tại thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Cả hai ở thành phố B được khoảng 01 năm thì quyết định chuyển công việc và nơi ở về thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống với nhau đến khoảng giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, về sinh con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Quá trình chung sống, anh T vẫn luôn cố gắng hài hòa, hàn gắn tình cảm vợ chồng tuy nhiên vẫn không được cải thiện. Cho đến đầu năm 2024 thì chị T1 đã tự ý chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị T1 tại khu A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, hai vợ chồng cũng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Việc vợ chồng anh T chị T1 mâu thuẫn và sống ly thân bố mẹ, anh em, họ hàng hai bên gia đình đều biết và khuyên giải, động viên rất nhiều lần nhưng không thành.

Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được. Nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị T1. Anh T và chị T1 không có con chung; về tài sản chung, công nợ, anh Lê Thanh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Thanh T cam kết việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào.

Ngày 07/3/2025, anh Lê Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị giữ nguyên lời trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hoàng Thị T1 trình bày:

Chị và anh Lê Thanh T qua thời gian tìm hiểu, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2020 đăng ký ngày 22/12/2020. Sau khi đăng ký kết hôn, vào tháng 04/2021, chị và anh T được Hội truyền giáo tại Đ tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Cả hai chung ở Bắc Ninh từ tháng 04/2021 đến tháng 04/2022 thì chuyển công việc và nơi ở về thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu

thuần, anh T có nhiều lần muốn ly hôn với chị T1, lý do anh T đưa ra là vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống.

Đến tháng 03/2024, anh T tự ý bỏ về nhà đẻ tại thành phố C, tỉnh Hải Dương sinh sống, bỏ chị T1 một mình ở nhà thuê mặc dù chị đã cố gắng níu kéo anh T ở lại. Đến tháng 04/2024, chị T1 chuyển về nhà đẻ tại phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh sinh sống và hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Do cả chị T1 và anh T đều tin Chúa nên tháng 7/2024, chị T1 có gọi cho anh T nói cả hai đi gặp mục sư để giúp đỡ hôn nhân nhưng anh T không đồng ý, anh T nói bận không đi và bảo chị T1 đi xin lỗi họ hàng nhà chồng. Nay chị T1 xác định vẫn còn tình cảm với anh T, chị T1 không đồng ý ly hôn và đề nghị giải quyết cho hai vợ chồng chị được đoàn tụ. Chị xác định chị và anh T không có con chung, không có tài sản chung và công nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Thanh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, trình bày giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án và đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn với chị Hoàng Thị T1.

Bị đơn chị Hoàng Thị T1 mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 39, 58, 195 và 232 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh T. Anh T được ly hôn với chị Hoàng Thị T1.

Về con chung: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Hoàng Thị T1, chị T1 có nơi thường trú tại khu A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Xét đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xem xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Thanh T và chị Hoàng Thị T1 đều thừa nhận anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận trên Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2020 đăng ký ngày 22/12/2020 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Quá trình chung sống, anh T xác định vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, hoàn cảnh kinh tế cũng như việc sinh con dẫn đến việc hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, việc hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên động viên, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể dung hòa được nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Bị đơn chị Hoàng Thị T1 trình bày không đồng ý ly hôn với anh T, tuy nhiên chị cũng xác nhận trong khoảng thời gian chung sống hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, anh T đã có nhiều lần muốn ly hôn với chị và chị đã chuyển về nhà đẻ sinh sống từ tháng 04/2024, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Theo Biên bản xác minh tại Khu A, phường Đ, thành phố B, ông Lê Minh T2 – Trưởng Khu 1 cho biết: *“Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Thanh T, sinh năm 1988 và chị Hoàng Thị Tâm địa P không nắm được. Tại địa phương,*

chị Hoàng Thị T1 sống ẩn dật, kín đáo, không quan hệ xung quanh. Chị tâm khoảng 03 năm nay sống một mình tại nhà ở Khu A, phường D, thành phố B, không sống chung với chồng”.

Như vậy, việc anh T và chị T1 có mâu thuẫn trong chuyện tình cảm là có thật. Khi xảy ra mâu thuẫn, bản thân anh T, chị T1 cũng như hai bên gia đình đã động viên, khuyên giải rất nhiều lần nhưng cả hai vẫn không hàn gắn được tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, thuyết phục nhưng anh T nhất quyết muốn ly hôn.

Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh Lê Thanh T và chị Hoàng Thị T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân đã lâu, không có khả năng toàn tụ nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Thanh T.

[2.2] Về con chung: Anh Lê Thanh T và chị Hoàng Thị T1 xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Anh Lê Thanh T và chị Hoàng Thị T1 xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn anh Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 236, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Thanh T:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Hoàng Thị T1.

Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Anh Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000196 ngày

12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- UBND phường Phả Lại,
- TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Tuyết Nhung